

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 01 - 2018.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dư Thanh Hồng;

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: anh Trần Việt B, sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Năm 2014 chị và anh B có đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã R tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng có 01 con chung. Quá trình chung sống không hạnh phúc, do chị và anh B thường xuyên mâu thuẫn với nhau, có lúc xảy ra đánh nhau. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Việt B.

Về con chung: có 01 người con chung tên Trần Bảo Ngọc, sinh năm 2014, hiện chị đang nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu.

- Tại bản tự khai ngày 02 tháng 01 năm 2018, bị đơn anh Trần Việt B trình bày:

Vợ anh là Trần Thị Mỹ D có nộp đơn xin ly hôn đối với anh, anh đồng ý ly hôn với Trần Thị Mỹ D.

Về con chung tên Trần Bảo Ngọc, sinh năm: 2014, sau khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng con.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Do điều kiện làm ăn không có mặt ở nhà thường xuyên nên đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt, anh không khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: anh Trần Việt B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện M triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng có ý kiến bằng văn bản đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt anh, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] *Về nội dung*: chị Trần Thị Mỹ D và anh Trần Việt B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị D và anh B xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh B. Tại bản tự khai anh B đồng ý ly hôn với chị D nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh B.

Con chung: tên Trần Bảo Ngọc, sinh năm 2014 hiện đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D có yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn, anh B đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng nên giao con chung tên Trần Bảo Ngọc sinh năm: 2014 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: chị D, anh B xác định không có không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] *Án phí dân sự sơ thẩm*: chị D phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Việt B.

[2] Con chung: tên Trần Bảo Ngọc, sinh ngày 22/6/2014 giao cho chị Trần Thị Mỹ D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh Trần Việt B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011724 ngày 05 - 12 - 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M; chị Trần Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí.

[4] Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**